

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **272/2022/DS-ST**

Ngày 21 - 10 - 2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Huỳnh Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Việt Thắng.

Ông Huỳnh Văn Tới

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa:**  
Bà Trần Hồng Cẩm – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 355/2022/TLST-DS ngày 11/7/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/2022/QĐXXST-DS ngày 15/9/2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Giã Hồng N, sinh năm 1985.

Ông Mai Vũ M, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1982.

Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

*Nguyên đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện ngày 30/5/2022, lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện:** Giữa vợ chồng bà N và ông M không có mối quan hệ bà con họ hàng gì với vợ chồng bà T1 và ông T. Do có quen biết bạn bè tin tưởng nhau và muốn giúp đỡ bà T1 và ông T làm ăn, nên ngày 17/9/2021 vợ chồng bà N và ông M có cho vợ chồng bà T1 và ông T mượn số tiền 368.000.000 đồng (mục đích cho mượn để vợ chồng bà T1 và ông T trả nợ Ngân hàng và làm ăn kinh doanh), việc cho mượn không có lãi suất, thời hạn mượn đến ngày 15/02/2022 phải trả vốn hàng tháng cho đến khi dứt nợ, việc mượn tiền vợ chồng bà T1 và ông T có ký tên tại “*giấy cam kết mượn tiền mặt ngày 17/9/2021*” do ông M viết. Từ khi mượn tiền cho đến nay thì bà T1 và

ông T không có trả cho vợ chồng bà N và ông M khoản tiền nào. Việc cho mượn tiền chỉ có vợ chồng bà N và ông M với vợ chồng bà T1 và ông T biết.

Nay bà N và ông M yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Văn T trả số tiền 368.000.000 đồng, yêu cầu trả lãi suất 10% trên tổng số tiền mượn kể từ ngày 15/02/2022 đến khi xét xử sơ thẩm.

**- Đối với bị đơn:** Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và 02 lần để xét xử, nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**- Lời trình bày của ông Nguyễn Văn C tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 04/10/2022, thể hiện:** Ông C là cha ruột của ông Nguyễn Văn T, cha chồng của bà Nguyễn Thị T1. Việc tranh chấp giữa bà Giã Hồng N và ông Mai Vũ M với bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Văn T như thế nào thì vợ chồng ông không biết. Ông C có nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt cho ông T và bà T1 trong vụ án bà N và ông M khởi kiện. Sau khi nhận thay các văn bản tố tụng thì có thông báo cho ông T và bà T1 biết việc khởi kiện và thời gian địa điểm Tòa án mời làm việc, nhưng do hiện nay ông T và bà T1 đi làm ăn xa nên không về được.

**- Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu:**

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tiến hành và thực hiện đúng theo quy định. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa không chấp hành đúng nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vốn là 368.000.000 đồng và tiền lãi 25.138.254 đồng. Về án phí buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục:* Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ vay, nên thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc thanh toán tiền nợ vay và bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm

a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463 Bộ luật dân sự.

[3] *Về pháp luật áp dụng:* Áp dụng quy định của Bộ luật dân sự hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để giải quyết là phù hợp.

[4] *Về nội dung tranh chấp và xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

[4.1] *Về yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn:* Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ “*Giấy cam kết mượn tiền mặt ngày 17/9/2021 có nội dung: Vợ chồng bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Văn T cùng đồng ý hỏi mượn tiền của vợ chồng bà Giã Hồng N số tiền mặt 368.000.000 đồng, số tiền mượn để làm ăn và lo cuộc sống trong gia đình, chăm sóc cha mẹ già và hai con, số tiền mượn không tính lãi suất, hàng tháng trả vốn tính kể từ ngày 15/02/2022, có chữ ký tên và ghi họ và tên của bà T1 và ông T*”. Hội đồng xét xử xét thấy trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo và văn bản tố tụng cho bị đơn biết việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và sau khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì Tòa án cũng đã thông báo kết quả phiên họp cho bị đơn biết được các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp (trong đó có giấy cam kết mượn tiền mặt ngày 17/9/2021 do nguyên đơn cung cấp), nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, và cũng không chứng minh việc đã thanh toán một phần hay toàn bộ số tiền vốn vay cho nguyên đơn theo thỏa thuận. Ngoài ra, qua làm việc với ông Nguyễn Văn C (cha ruột của ông T) thì ông C xác định có thông tin cho bị đơn biết việc nguyên đơn khởi kiện và Tòa án mời làm việc nhưng do công việc nên bị đơn không đến Tòa án. Như vậy, có căn cứ xác định thực tế bị đơn có vay của nguyên đơn tổng số tiền vốn 368.000.000 đồng hiện nay chưa thanh toán. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ vay theo thỏa thuận giữa các bên và nghĩa vụ của bị đơn phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng xác lập, nên cần buộc bị đơn phải có trách nhiệm liên đới cho nguyên đơn số tiền vốn vay 368.000.000 đồng là đúng theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự và Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.1] *Về yêu cầu trả nợ lãi của nguyên đơn:* Giữa các bên không có thỏa thuận về việc trả lãi và hiện nay có tranh chấp về lãi, do đó cần áp dụng 50% mức lãi suất giới 20%/năm là 10%/năm đối với tổng số tiền nợ vay. Thời gian tính lãi, theo thỏa thuận giữa các bên thì việc trả vốn thực hiện kể từ ngày 15/02/2022, quá trình giải quyết vụ án chứng cứ được kể từ khi vay vốn cho đến nay thì bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn được số tiền vốn nào, nên thời gian tính lãi được tính kể từ ngày 15/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 21/10/2022. Như vậy, lãi suất được tính số tiền vốn gốc 368.000.000 đồng X lãi suất 10%/năm X 08 tháng 06 ngày = 25.138.254 đồng. Cần buộc bị đơn có trách nhiệm liên đới phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi này là đúng theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Từ những lập luận, phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận và có đầy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vốn là 368.000.000 đồng và tiền lãi 25.138.254 đồng.

[5] *Về án phí*: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 5% trên tổng số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí, số tiền tạm ứng án phí của nguyên đơn đã dự nộp trước được hoàn lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

#### **1. Tuyên xử:**

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Giã Hồng N và ông Mai Vũ M.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T1 có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Giã Hồng N và ông Mai Vũ M tổng số tiền 393.138.254 đồng (Trong đó: Tiền vốn 368.000.000 đồng, tiền lãi 25.138.254 đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên, thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

#### **2. Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch:**

- Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T1 phải nộp là 19.656.912 đồng (Chưa nộp).

- Nguyên đơn bà Giã Hồng N và ông Mai Vũ M đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước với số tiền 10.184.000 đồng theo biên lai thu số: 0005109 ngày 11/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được hoàn lại toàn bộ.

**3.** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Dương sự, NTGTT khác;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(ĐÃ KÝ)**

**Trương Huỳnh Hải**